

Số: 44 /TB-HĐ

Bình Tân, ngày 18 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả điểm xét tuyển viên chức Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân năm 2021

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về tuyển dụng viên chức năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 6660/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân năm 2021.

Căn cứ kết quả chấm thi, Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân thông báo kết quả điểm xét tuyển viên chức năm 2021 theo danh sách đính kèm.

Thông báo này được đăng tải công khai trên trang Thông tin điện tử của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân (gdnn-gdtxbinhtan.hcm.edu.vn).

Trên đây là Thông báo Kết quả điểm xét tuyển viên năm 2021 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận Bình Tân./.

Nơi nhận:

- Hội đồng tuyển dụng;
- Thí sinh dự tuyển;
- Website;
- Lưu: VT.



UBND QUẬN BÌNH TÂN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRUNG TÂM GDNN - GDTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN QUẬN BÌNH TÂN
(Đính kèm Thông báo số 14/TB-HĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trung tâm GDNN - GDTX quận Bình Tân)

T	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Điểm kiểm tra, sát hạch					Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ			Kiến thức chung (20đ)	Kiến thức chuyên môn (30đ)	Phỏng vấn, Thực hành, Kỹ năng trình bày (40đ)	Tác phong (10đ)	Tổng cộng (100đ)			
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7+8+9+10	12	13=11+12	
	Trần Tổng Nguyên	26/03/1984		Cử nhân Vật lý	GV Vật Lý	18	30	35	10	93		93	
2	Nguyễn Thị Hiền		20/7/1992	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	15	30	35	9	89		89	
3	Hồ Trung Nguyên	15/07/1999		Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	5	25	25	8	63		63	
4	Nguyễn Thị Thanh Nga		09/6/1988	Cử nhân Vật lý	GV Vật Lý	6	28	25	10	69		69	
5	Trần Thị Thúy Hồng		21/10/1999	Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	16	25	25	8	74		74	
6	Trần Ngọc Quang	29/11/1996		Sư phạm Vật lý	GV Vật Lý	13	25	25	10	73		73	
7	Nguyễn Thị Kiều Thảo		08/12/1972	Sư phạm Tiếng Anh	GV Tiếng anh	18,7	27	37,3	10	93		93	
8	Nguyễn Ngọc Hân		02/7/1993	Sư phạm Toán	GV Toán	18,2	25,6	36,6	9,6	90,4		90,4	
9	Hán Quốc Dũng	17/07/1991		Thạc sĩ Toán giải tích	GV Toán	16,6	26,3	35,7	10	88,6	Dân tộc thiểu số (+5)	93,6	
10	Nguyễn Thị Bảo Tâm		21/8/1984	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	10	10	20	7	47		47	
11	Phạm Thị Hiền		21/07/1996	Sư phạm Ngữ văn	GV Ngữ văn	19,7	29,7	37,6	10	97	Dân tộc thiểu số (+5)	102	
12	Nguyễn Thị Thùy Trang		06/12/1998	Sư phạm Sinh học	GV Sinh học	0	26,3	36	10	72,3		72,3	
13	Vũ Trương Trọng Hiếu	06/08/1991		Sư phạm Lịch sử	GV Lịch sử	19,5	25,5	35	10	90		90	
14	Trần Thị Cẩm Vân		20/10/1997	Sư phạm Lịch sử	GV Lịch sử	20	29	36,5	10	95,5		95,5	

5	Phạm Văn Tùng Em	1985		Sư phạm Lịch sử	GV Lịch sử	17,5	27,5	36,5	10	91,5	Hoàn thành NVQS (+2,5đ)	94	
6	Bùi Lương Diễm Quỳnh		27/10/1998	Cử nhân Quản lý giáo dục	Nhân viên Giáo vụ	15,5	23,5	20	8,5	67,5		67,5	
7	Nguyễn Thị Trúc Linh		11/03/1988	Giáo dục Tiểu học	Nhân viên Giáo vụ	18	24,5	22	8	72,5		72,5	
8	Tô Thị Thu Thủy		27/08/1995	Sư phạm Địa lý	Nhân viên Giáo vụ	16	21	27,5	9	73,5		73,5	
9	Nguyễn Thiện Hân	18/02/1992		Thạc sĩ Tâm lý học trường học	Nhân viên Giáo vụ	13,5	21,5	22,5	10	67,5		67,5	
0	Phạm Văn Tuấn	20/01/1972		Cử nhân Luật	Nhân viên tư vấn, đào tạo nghề	19	26	31	8	84		84	
1	Nguyễn Bá Đạt	05/04/1982		Cử nhân Luật kinh doanh	Nhân viên tư vấn, đào tạo nghề	5	10	18,5	9	42,5		42,5	
2	Lê Văn Tươi	20/12/1978		Cử nhân Tin học	Nhân viên Hướng nghiệp	6,5	29,5	30	9	75		75	
3	Phạm Thị Bình		15/07/1981	Cử nhân Tài chính ngân hàng	Kế toán	16	16,5	13,5	8	54		54	
4	Vũ Thị Ngọc Linh		10/05/1983	Kế toán Kiểm toán	Kế toán	17	21	34,5	10	82,5		82,5	
5	Trương Ngọc Thảo Trang		14/05/1990	Cử nhân Kế toán	Kế toán	8,5	26	12	10	56,5		56,5	
6	Phạm Thị Ngọc Lan		21/11/1982	Cử nhân Luật	Văn thư	15,5	25,5	27,5	9	77,5		77,5	
7	Lê Phi Long	04/10/1986		Cử nhân Quản lý nhà nước	Văn thư	12,5	27,5	25	9	74		74	
8	Huỳnh Thị Ái Diễm		16/10/1992	Trung cấp Điều dưỡng	Y tế học đường	16,5	21	35	10	82,5		82,5	

Người lập bảng


Mai Thị Thu Thảo

Bình Tân ngày 18 tháng 01 năm 2022



Phan Văn Rắc